

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HSPT

Ngày: 10 – 01 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn;

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Bằng;

2. Ông Trương Công Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 10/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 382/2019/HSPT ngày 04/12/2019, đối với bị cáo Nguyễn Chí T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2019/HS-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Nguyễn Chí T; Sinh năm 1972, tại tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: Thôn A, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh ; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 04/12; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Nguyễn Công Đ (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ (Đã chết); bị cáo có vợ là Huỳnh Thị H và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú(Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Tiến T – Luật sư thuộc văn phòng luật sư B là trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

Bị hại: Ông Lê Văn I, sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn T, xã B huyện P, tỉnh Bình Phước

Người làm chứng: Ông Trần Xuân L, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn A, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết nên ông Lê Văn I đã nhiều lần nhờ Nguyễn Chí T mua mì (sắn) giúp, sau khi T tìm được chủ rẫy mì (sắn) cần bán thì dẫn ông I đến xem và trực tiếp làm hợp đồng mua bán với chủ rẫy mì, nếu giao dịch thành công thì T sẽ được hưởng “Hoa hồng”, thời gian này T đã tìm và mua thành công cho ông I 02 rẫy mì. Ngày 23/09/2018, T tiếp tục đi tìm người có rẫy mì cần bán để mua cho ông I và ông I đã cho T tạm ứng số tiền 10.000.000 đồng, với mục đích là T đi tìm mua mì và đặt cọc cho chủ rẫy.

Đến ngày 23/10/2018, biết ông Vi Văn N có củ mì, trồng trên diện tích đất rẫy khoảng 8000m², trồng được khoảng 05 tháng tại thôn 14, xã Ia Rvê, huyện Ea Súp cần bán nên Nguyễn Chí T nảy sinh ý định gọi điện thoại nhờ ông Trần Xuân L đóng giả là ông Vi Văn N, để ký vào hợp đồng bán mì với ông I để T lấy tiền chênh lệch giá trả nợ tiền công ông L cày đất cho T, thấy T nói vậy nên ông L đồng ý làm theo thỏa thuận của T. Sau khi thỏa thuận xong với ông L, T thông báo và dẫn ông I đi xem mì, ông I đồng ý rồi cùng với T đi về nhà ông L để ký hợp đồng. Tại đây, T chuẩn bị sẵn 01 hợp đồng mẫu rồi tự tay viết nội dung hợp đồng, để ông I ký vào bên mua, ông L ký vào bên bán là Hoàng Văn N, với nội dung “Ông I mua của ông N mì đám với diện tích 8.000m², giá 19.000.000 đồng”. Sau khi ký hợp đồng xong, do ông I không mang theo tiền nên hẹn T đến chiều giao tiền.

Sau khi ông I ra về thì T đi đến nhà ông Vi Văn N để hỏi việc mua mì nhưng ông N không có nhà, mà chỉ có con trai của ông N là anh Vi Văn C cho biết rẫy mì trên đã bán cho bà Trần Thị H vào ngày 21/10/2018. Biết rẫy mì ông N bán cho người khác, nên T điện thoại và trực tiếp đến gặp ông L, thông báo việc rẫy mì của ông N đã bán cho bà H. Ông L nghe T thông báo sự việc trên nên đã nói T gặp ngay ông I lấy lại hợp đồng đã ký lúc sáng nay và hủy giao dịch thì T đồng ý. Nhưng sau đó, T không đến gặp ông I lấy lại hợp đồng và hủy giao dịch, T cũng không nói cho ông I biết; Ngày 25/10/2018, ông I đến nhà T, giao số tiền là 9.000.000 đồng T cầm tiền và không nói gì; Tháng 02/2019, ông I cho người vào thu hoạch mì thì được biết ông Vi Văn N đã bán cho bà H, nên ông I đã yêu cầu T trả lại tiền nhưng T không trả nên ông I tố cáo hành vi của T đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ea Súp.

Tại bản kết luận giám định chữ viết số 391/PC09 ngày 21/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận: Chữ viết phần nội dung trong hợp đồng mua bán đề ngày 23/10/2018 là do T viết; chữ ký mang tên Hoàng Văn N trong hợp đồng mua bán đề ngày 23/10/2018 là do Trần Xuân L ký và viết ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2019/HS-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Chí T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Chí T 01 (Một) năm tù thời hạn chấp

hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần trách nhiệm dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo cho bị cáo và các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/11/2019 bị cáo Nguyễn Chí T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng và bản án hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, luận tội của Kiểm sát viên cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà bản án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc so với tính chất mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới là đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại. Xét thấy, bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm trách nhiệm hình sự. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 174; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2019/HS-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa cho rằng bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, mức hình phạt 01 năm tù mà bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ: Bị cáo là người có nhân thân tốt, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình xét xử đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và sau khi xét xử sơ thẩm đã tự nguyện nộp tại cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện E toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của người bị hại cùng án phí sơ thẩm, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận:

Sáng ngày 23/10/2018, bị cáo Nguyễn Chí T đã có hành vi lừa ông I mua củ mì để hưởng tiền chênh lệch giá, thấy ông I tin và đồng ý với giá do T đưa ra nên T dẫn ông I đi xem củ mì của gia đình ông N. Việc ông L nhận lời giả làm ông N để ký hợp đồng là do trước đó bị cáo còn nợ tiền công cày đất của ông L nên bị cáo mới nhờ ông L đứng ra ký hợp đồng để lấy tiền chênh lệch trả cho ông L nên ông L đã làm theo ý của bị cáo. Nhưng sau đó ông L đã yêu cầu bị cáo hủy hợp đồng trên, bị cáo đồng ý nhưng sau đó không hủy. Ngày 25/10/2018, ông I đến nhà T, đưa trực tiếp cho T số tiền 9.000.000 đồng và Nguyễn Chí T đã chiếm đoạt toàn bộ số tiền này. Vì vậy, bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Mức hình phạt 01 năm tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn; quá trình xét xử đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, có nhân thân tốt và nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo đã cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là bị cáo đã tự nguyện nộp vào cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của người bị hại cùng án phí sơ thẩm, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự – Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Chí T, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 48/2019/HS-ST ngày 22/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ea

Súp, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố Bị cáo Nguyễn Chí T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Chí T 01 (Một) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Chí T cho Ủy ban nhân dân xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách; Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương, trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú, thì được thực hiện theo định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về án phí: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Nguyễn Chí T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND huyện Ea Súp;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Công an huyện Ea Súp;
- Chi cục THADS huyện E;
- T.H.A hình sự huyện E;
- UBND xã I;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử TA;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Văn Toàn